

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020.

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân  
gia đình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

Ông Trần Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 288/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 15/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thu H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 4, tổ 19, khóm 2, phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Trần Đức T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 4, tổ 19, khóm 2, phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Phạm Thu H có mặt tại phiên tòa; anh Trần Đức T vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp ngày 25/3/2002.

Sau khi kết hôn, chị H và anh T thuê nhà trọ ra ở riêng, anh T làm tài xế. Đến cuối năm 2003, chị H và anh T xây nhà riêng ở số 4, tổ 19, khóm 2, phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, anh T đi làm một thời gian thì nghỉ việc ở nhà.

Trong thời gian chung sống, chị H và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không chăm lo kinh tế gia đình về nhà thì chửi mắng vợ, con, anh T còn đánh bạc dẫn đến thiếu nợ. Mỗi lần thiếu nợ anh T về nhà hăm dọa đánh và giết chị H buộc chị H phải trả nợ thay cho anh T. Chị H đã đứng ra trả nợ nhiều lần cho anh T và cũng đã khuyên anh T nhiều lần nhưng không được.

Tháng 8/2019, chị H đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh nhưng anh T không đồng ý ly hôn mà muốn hàn gắn, chị H và anh T thỏa thuận hai bên sống xa nhau một thời gian để mỗi người tự nhìn nhận lại bản thân nên chị H đã rút đơn và được Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án số 91/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 23/10/2019. Nhưng từ khi rút đơn đến nay, anh T vẫn không thay đổi. Chị H nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Trần Đức T có 01 con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004, hiện con chung đang sống chung với vợ chồng. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

#### **Tại phiên hòa giải anh Trần Đức T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn. Trong thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng năm 2016, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không có thu nhập về kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ khi chị H nộp đơn ly hôn thì anh T thừa nhận có chửi mắng, hăm dọa giết chị H. Lý do, anh T bị chị H lừa anh T để chuyển nhượng diện tích đất 109,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 699, tờ bản đồ số

2 tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cho Phạm Nhứt T là em trai của chị H.

Nay anh Trần Đức T không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thu H vì chị H chưa chia tài sản chung thỏa đáng cho anh T.

Về con chung: Anh Trần Đức T và chị Phạm Thu H có 01 con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004, hiện con chung đang sống chung với vợ chồng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đồng ý chị H được trực tiếp nuôi con chung Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004, anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất là 109,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 699, tờ bản đồ số 2 tọa lạc tại Phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Nay anh T không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Đức T đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa và vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thu Hồng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

[2] Bị đơn anh Trần Đức T có địa chỉ tại số 4, tổ 19, khóm 2, phường A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh T có mặt. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Đức T vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ cho anh Trần Đức T nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Chị H đồng ý việc xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thu H và anh Trần Đức T được xác lập năm 2001, hôn nhân của chị H và anh T là trên cơ sở tự nguyện và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh B, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 25/3/2002 nên quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, vào tháng 08/2019, chị H có nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và được Tòa án thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 360/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2019 nhưng vì để tạo điều kiện cho anh T một cơ hội sửa đổi tính tình và muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị H đã rút đơn khởi kiện.

Nhưng từ khi chị H rút đơn khởi kiện đến nay, anh T vẫn không thay đổi mà anh T còn chửi mắng chị H nhiều hơn và có hành vi hăm dọa giết chị H. Đồng thời, anh T thừa nhận giữa anh T và chị H có mâu thuẫn là do anh T không có thu nhập, anh T thừa nhận có chửi mắng, hăm dọa giết chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh T chửi mắng, hăm dọa giết chị H đã ảnh hưởng đến tinh thần của chị H, chị H cũng đã cho anh T cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh T vẫn không thay đổi. Mặt khác, anh T cũng không tìm cách hàn gắn tình cảm mà còn chửi mắng chị H nhiều hơn, cuộc sống hôn nhân cũng không được cải thiện dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004, hiện con chung đang sống chung với vợ chồng, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Trần Đức H. Anh T cũng trình bày tại phiên hòa giải trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T đồng ý chị H được trực tiếp nuôi con chung Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004. Bên cạnh đó, theo nguyện vọng của cháu Trần Đức H được sống với mẹ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, chị H được trực tiếp nuôi con chung Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có tài sản chung, anh T trình bày tại phiên hòa giải vợ chồng có tài sản chung nhưng không không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác nên Hội

đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị H và anh T thống nhất không có nợ ai và cũng không có ai nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thu H. Chị Phạm Thu H được ly hôn với anh Trần Đức T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thu H. Chị H được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Đức H, sinh ngày 05/10/2004.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số

0004758 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị Phạm Thu H đã nộp xong tiền án phí.

Anh Trần Đức T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Chị Phạm Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Chi cục THADS TPCL;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Huế**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Thơm**

---

**“Đề thi hành”**

*TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Thị Thơm**



***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Thơm**